

- Quan tri huyện huyện Nam Trực Dương Tự Trác
cúng 60 đồng

- Quan tri huyện huyện Phong Doanh Nguyễn
Đôn Hoặc cúng 50 đồng

- Quan tri huyện huyện Vũ Tiên Đặng Hữu Bằng
cúng 30 đồng

- Quan Huấn Đạo huyện Hải Hậu Bùi Bằng
Thuận 5 đồng

- Quan tri phủ phủ Thọ Xuân Khiếu Tam Đồng
cúng 5 đồng.

- Quan tri huyện huyện Hải Hậu Hoàng Mạnh
Tiến cúng 60 đồng

- Nguyên tri huyện huyện Phong Doanh Trần
Thuận 30 đồng

- Quan tri huyện huyện Kim Sơn Bùi Thiện Căn
cúng 10 đồng

- Quan giáo thụ ở phủ Xuân Trường Trần Mạnh
Khoa cúng 20 đồng.

* Xưa Vân Cát - Tiên Hương là một, do yêu cầu
phát triển làng xã nên mới phân biệt làm hai,
nhưng mối liên quan về thân thế của Mẫu Liễu thì

thật khăng khít đúng như nội dung văn bia : Tuy
hai mà là một vậy.

THỨ TỊCH - BI KÝ PHỦ VÂN CÁT

Dại tự sơn son thiếp vàng :

Bồng hồ bát viên

Khải Định Đinh Tị thu

Bản huyện Tập phúc hội đồng bá tiến

(Cảnh bồng hồ chẳng đâu xa

Mùa thu năm Đinh Tị (1917) niên hiệu Khải Định

Hội Tập Phúc trong huyện cùng kính dâng)

Dại tự sơn son thiếp vàng :

Duy thần chi trứ

Khải Định Đinh Tị niên

*Trung thu hội hội chủ, chánh bát phẩm lĩnh
chánh tổng Trần Khắc Kiệt, thứ hội Trần Thế
Đức, phó lý Trần Quang Doan, Trần Hữu Doan
đồng bá tiến.*

(Chỉ có thần là nổi tiếng

Năm Đinh Tị (1917) niên hiệu Khải Định

Hội Trung thu, chủ hội chánh bát phẩm, chánh tổng Trần Khắc Kiệm, thứ hội Trần Thế Đức, phó lý Trần Quang Doan, Trần Hữu Doan cùng lay dâng lên).

Đại tự :

Cát lũy cù mộc

(Dây sắn cây to - Nói lượng cả che chở cho bề dưới, không hẹp hòi)

Đại tự :

Vân cạm bông lai

(Mây gần với chốn Bông Lai)

Đại tự sơn son thiếp vàng :

Đức hợp vô cương

(Đức tốt, hợp với lòng nhân ái của thượng đế vô cùng)

Đại tự sơn son thiếp vàng :

Từ ân phổ độ

Duy Tân tứ niên mạnh xuân nguyệt

Cát Đằng xã Ngô Văn Chính báii tiến

(On từ của người mẹ rộng rãi cứu vớt

Tháng đầu xuân niên hiệu Duy Tân năm thứ tư (1910)

· Người xã Cát Đằng tên là Ngô Văn Chính lay dâng)

Đại tự sơn son thiếp vàng :

Hữu tiên tặc danh

(Có tiên là sẽ có danh tiếng)

Đại tự sơn son thiếp vàng :

Nhất thân lưỡng hóa

Long phi Canh Ngọ niên báii tiến

(Vị thân hai lần hóa thân

Rồng bay năm Canh Ngọ lay dâng lên)

Đại tự sơn son thiếp vàng :

Tiên thọ vạn niên

Khải Định Đinh Tị trọng đông nguyệt

Vụ Bản huyện Tri huyện Đông Ngạc Phạm Đình Bảng báii đề

(Tiên thọ muôn năm

Tháng giữa mùa đông, năm Đinh Tị (1917) niên hiệu Khải Định.

*Tri huyện huyện Vụ Bản, Đông Ngạc Phạm Đình
Bảng lay viết)*

**Câu đối khắc gỗ sơn son thiếp vàng, kiểu
lòng máng treo ở gian giữa tiền đường :**

*Thiên Bản lục kỳ, đệ nhất kỳ, vân lý lâu dài duy
thần thị trạch*

*Xuân Vương tam nguyệt tới hảo nguyệt, cát thiên
thế giới hữu mẫu chi thân.*

Duy Tân Giáp Dần xuân

*Tứ Tân Sửu khoa, đệ tam giáp đồng Tiến sỹ
nguyên Hải Phòng đốc học Nguyễn Văn Tĩnh
bái soạn.*

*(Sự lạ thứ nhất trong sáu sự lạ ở đất Thiên
Bản, tòa lâu đài ở trong mây này là nơi nhà cũ
của thần*

*Ba tháng mùa xuân có tháng này là đẹp nhất,
tại bầu trời Vân Cát có Mẫu là thân cận hơn.*

*Mùa xuân năm Giáp Dần (1914) niên hiệu Duy
Tân cho đỗ đệ tam giáp tiến sỹ xuất thân khoa
Tân Sửu, vốn quan đốc học tỉnh Hải Phòng Nguyễn
Văn Tĩnh lay viết).*

Câu đối :

*Hoàng Lê quốc phái bản bản nguyên, minh đức
kỳ lai viễn hỹ.*

*Vân Cát hương dân tôn tôn tử tử, kế thế vật thế
dẫn chi*

Bảo Đại Kỷ Mão thu

*Thái tử Thiếu bảo Đông các đại học sỹ Bắc Ninh
Tổng đốc trí sự Văn Tây nam Kiến An Miêu nha
mai Trung Cát bái đề.*

*(Dòng dõi vua Lê, nguồn gốc lưu truyền, đức sáng
bao trùm lâu lăm vậy.*

*Dân làng Vân Cát, cháu con nối tiếp, chớ hề
thay đổi nếp xưa đi.*

Mùa thu năm Kỷ Mão (1939) niên hiệu Bảo Đại.

*Thái tử Thiếu bảo Đông các đại học sỹ, Tổng
đốc Bắc Ninh, quê ở Miêu Nhà Kiến An, Mai Trung
Cát lay viết dâng lên)*

Thơ khắc trên biểu hoành :

*Bài thơ của ông Phạm Đình Kính quê ở thôn Cổ
Sư xã Vĩnh Hòa huyện Vụ Bản nói về phủ Vân
Cát và Tiên Hương (thơ văn Phạm Đình Kính)*

*Phạm Đình Kính còn gọi là Phạm Kim Kính,
28 tuổi đỗ Tam giáp đồng tiến sỹ xuất thân đi sứ*

nước Thanh (1723) quan Nhập thị kinh diên, nay còn có từ đường và gia phả thơ văn.

Bái An Thái tiên nữ tử :

Vân Hương tái thế nhất kỳ truyền

Lê Thị đầu sinh Đinh Ty niên

Giá tại Trần môn năng khắc hậu

Từ u An áp khả quang tiên

Thế tông thủy tạo mao từ quán

Phúc Thái trùng khai ngõa thạch hiên

Hoằng Định dỹ mông ban bảo chiếu

Linh thanh ảnh hưởng khởi u huyền !

Dịch nghĩa :

Đến bái yết đền vị Tiên nữ An Thái :

Lại xuống làng Vân năm Đinh Ty (ý nói lại sinh ra ở làng Vân Cát năm Đinh Ty (1557) vua Anh Tông)

Họ Lê sự lạ hầy còn truyền

Chông con lúc sống trong Trần tộc

Thờ phụng khi về (chết) ở Thái thôn¹⁾

Quán cổ²⁾ Thế tông (1573 - 1600) đời ấy dựng

Nhà xây Phúc Thái³⁾ (1643 - 1649) bấy giờ tôn

Thời vua Hoằng Định ơn ban sắc (1601 - 1619)

Chớ nói mơ hồ chuyện kính tin !

Văn bia: Nhị xã hòa hội phụng sự bi ký :

Thiên Bản Vân Cát, tiên chúa sở sinh cố trạch Bản xã linh nhi tự chi. Mục kim lâu đài tối cũ thê thương, nghiêm nhiên nhất linh từ dã. La xã áp vũ tương vi giáp tiếp, tông lai tuế vu bái kỳ đảo nhất nhược bản áp chi từ ng phù thần phúc vô tư, a hộ chi công lượng nhiều hỹ. Niên tiên cai xã viện mục trùm trưởng hương giữ mưu viết thân chỉ vi đức kỳ thịnh tiên chúa tối linh từ dã, nhận đảo nhi gia hướng ư giáp tiếp giả hồ? Nhưng hiệp giữ xã ước đệ niên xuân tam nguyệt nhật kỳ

1) Thái thôn: Chỉ thôn Tiên Hương (có lăng mộ ở thôn Tiên Hương).

2) Quán cổ: Miếu thờ lợp cỏ ban đầu, do thấy thương thì thờ. Nhà xây Phúc Thái. Thời vua Phúc Thái mới xây gạch và phủ đồ thờ.

thời chi lâm dã kính tế như nghi. Vãng thất bát cửu tam nhật, tòng tiền lệ hữu cung phụng nhưng dĩ y nhật tuyền xuất phu tự từ đồng bản xã nhân các cáo tế khí cụ phục xu báii hòa hội dĩ chiêu phụng sự chi kiến hòa hiếu chi định ư thị vi thủy. Cái minh thần tướng cát tế chi, phi siểm kiem chi lân bàng hữu lai vãng chi đán tịch, dĩ thử hữu thân tị chi tình, tương thần chi giám chi. Ư dĩ quân tập hòa bình chi phúc kỳ tương bất tại tư hồ. Gian cử hành dục thọ kỳ truyền nãi đặng chi thạch.

Thi vi ký

Minh viết:

*Bông Hồ phi viên
Thắng tích do truyền
Sùng từ ngật lập
Tú linh dương tiền
Linh thạch như tân
Huân cao y tích
Nghiêm hồ nhược lâm
Thần chi cảm dịch
Quyết hữu áp lý
Dĩ chi vi lân
Thử tâm thử lý*

*Lai vãng tương thân
Thần chi điều hỹ
Cật nhĩ phúc hồ
Viên lạc tư bi
Vĩnh thùi bất hủ!*

*Tự Đức vạn vạn niên chi thập tuế Đinh Tì, trọng
nguyệt trung cán lập bi ký*

Bản hương Vân song cư sỹ soạn.

Dịch nghĩa :

Bia ghi việc cùng phụng sự hội của hai xã :

Vân Cát Thiên Bản là nơi có nhà cũ sinh ra Đền Chúa. Sở tại do thấy thiêng thì thờ, hiện tại lâu đài xiêu vẹo, bụi ngùi với chốn linh từ. Xã Thái La là đất tiếp giáp với xã sở tại, từ xưa tới nay phụng sự vẫn coi như đền làng vậy. Nghĩ rằng quan vốn vô tư phù hộ không riêng đâu cả. Ước đây xã này đã đem trùm trưởng viên chức giao với sở tại, đức lớn của thần rất tốt, đền Tiên Chúa cực anh linh, người lễ nhà thờ, ở khắp nơi đều được hưởng chi tại nơi lân cận, nên có ước với nhau hàng năm cứ tới ngày kỵ mồng 3 tháng 3 thì tới làm lễ, đến ngày 7, 8, 9, ba ngày ấy theo lệ truyền cũ cùng phụng thì đưa người tới đền nói cho nhau

biết về các đồ tế lễ, rồi cùng nhau phục vụ hội để nêu sự kính thành. Lấy đó làm đầu của tình hòa hiếu, nói rõ điều thần ban sự tốt lành, đó chẳng phải là điều siểm nịnh thánh thần, mà để cho người qua lại trông vào coi cảnh hương lân vui vẻ hòa bình hưởng phúc trên ban. Phải chăng không xuất phát từ đây, do vậy khắc vào đá để ghi lại.

Nay viết bài ký :

*Bồng Hồ nào phải đâu xa,
Đấu xưa tốt đẹp, thực là nơi đây!
Ngôi đền cao ngất mây bay
Non xanh như vẽ trông đầy cỏ cây.
Thiền liêng còn đến hôm nay,
Khói nhang thờ phụng tháng ngày đông vui.
Nghiêm trang khi bước tới nơi,
Vọng cầu ai dám buông lời kính thành.
Làng ta lân cận mái tranh.
Với nơi sở tại cũng tình anh em.
Lấy tâm lấy lễ suy xem,
Lại qua gần gũi thân quen là thường.
Thần minh soi xét thiện lương
Ban cho phúc lộc thọ trường trăm năm.*

*Khắc bia để lại điều răn,
Làm gương mãi mãi xa gần coi qua.*

Ngày giữa tháng 5 năm Đinh Tị, niên hiệu Tự Đức muôn muôn năm, năm thứ 10 (1857) người làng là Văn Song cư sỹ soạn lời văn.

Khải Định lục niên xuân :

Vụ Bản huyện đồng huyện cung trí lệ điền tiền là Văn Cát, tục hiệu Phủ Dầy bi ký.

Văn Cát thân nữ Thiên Bản lục kỳ chi đệ nhất kỳ dã. Thần hồ tai tam thể hóa sinh, lịch triều ba đời, vì thiên muội, vì chúng mẫu, vì tiên phật thần thánh, an thanh linh tích, truyền kỳ phá lục tái chi công hỹ. Thị hương tương truyền vì giáng tường thành bạch, đệ niên chính nguyệt trên kỳ tự hóa như tiên thị, xuân tam nguyệt hoa trượng bài tự như tiên hội, nhất thì quan thân sỹ nữ tứ lai chiêm bái kỳ lệ bất ức, Văn Tiên nhị từ lược đồng. Nguyên chi hương tiền hợp hậu phán (An Thái xã Văn Cát thôn) nhất nhi nhị, nhị nhi nhất dã.

Ấn Hoa hội triệu tự Trịnh chúa Thái phi thủy, Lê Trung Hưng niên gian, kỳ vu Tiên Thánh linh từ, hậu qua như kỳ sở nguyện. Nhân tấn chuẩn miễn

dân huyện tuần trúc Hà thành, dân huyện thịnh tự công đức cải cúc tháp vi hoa trượng bài liệt thành tự. Đệ niên nguyệt cung trị Tiên Thánh kỳ tuần cung Thành tạ lễ, đồng lai tuần tập cứu dĩ thành phong. Đại bản triều Tự Đức niên gian, cai xã dĩ dân định hy thiển, khoản đốn bất chu, nhượng giao nguyên lệ Tiên Hương xã nhận hành. Hết kim tài đắc lục thập dư niên do hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục gian hỹ!

Khải Định tam tứ niên gian quý tổng thăng thụ chánh bát phẩm, sung Bắc kỳ tư vấn nghị viên lĩnh chánh tổng Trần Quán Khắc Kiệm, thương dữ y xã chúc sắc kỳ dịch, từ dữ bản huyện tân cựu chánh phó tổng lý lịch đảng, đồng huyện thỏa thuận chư điều lệ cụ hữu bản quan phê áp y lệ chiếu tuân, tiền lệ bài liệt hoa trượng vu y xã linh từ, thứ cộng mộc thân hữu nhi đôn kính ý. Bản huyện mưu đồng từ thuận tình ký trình đệ bẩm, thừa bản tỉnh Đốc bộ đường Phạm tướng công thương tư quý tòa, chuẩn duyệt thi hành.

Lễ văn hữu kỳ cử giả mạc phế yên, kỳ tư chi vị dư. Y, thị cử dã, khả dĩ quan thế vận, khả dĩ bộc nhân tâm, tuy thế đạo hữu long ô, nhi thần quyền dĩ hiển, ức vạn niên thù chi bất hũ.

Viên đăng vu thạch dĩ thọ kỳ truyền

Từ Tân Sửu khoa đệ giáp đồng tiến sỹ, nguyên Hải Phòng Đốc học Nguyễn Văn Tính bài soạn.

Dịch nghĩa :

**Mùa xuân niên hiệu Khải Định thứ 6 (1921)
Cả huyện Vụ Bản tiến cúng tiền ruộng lệ ở
phủ Vân Cát, tục gọi là Phủ Dầy.**

Vân Cát thần nữ là một trong sáu sự lạ ở đất Thiên Bản. Thần ở đây ba độ hóa sinh các triều phong tặng là em của trời, là các mẹ, là thánh thần tiên phật, thiêng liêng để dấu sách vở ghi truyền sự lạ rõ ràng. Làng này là nơi ứng giáng đấng lành có nhà ở cũ.

Hàng năm cứ đến mùa xuân tháng giêng, hàng lễ tốt đẹp các nơi tụ hội như chợ trời, tháng 3 có lễ hội ghê hoa bày chữ như hội quần tiên, bảy giờ sáng lại, trí thức, học trò, trai gái... bốn phương đổ về ngưỡng vẻ đẹp có tới ức vạn người, ở hai bên Vân Tiên đều thế cả.

Vốn làng này trước chung nhau, sau mới chia ra nước là thôn Vân Cát nằm trong xã Yên Thái.

Dịch là xã Yên Thái khi trước gồm có thôn Tiên Hương và Vân Cát ở trong đó.

những việc này, hai mươi lăm một vậy. Tục "hội gậy hoa" có từ việc vị Thái giám chơi chùa Trịnh, là vì thời Lê Trung Hưng, cầu ở đền Tiên Thánh, sau có ứng nghiệm như điều nguyện ước, nên tâu lên trên miếu cho dân huyện việc đắp đê khơi nước ở Hà Thành, dân huyện nhớ công ấy bèn đổi mai cuộc thành gậy kéo chữ, hàng năm cứ đến kỳ lễ kỵ thì kính cẩn làm lễ tạ, hội họp chụm đầu, lâu ngày thành lệ. Khoảng năm Tự Đức triều ta, Văn Cát nghĩ rằng dân đình thưa ít, lo việc không nổi bèn đem nguyện lệ giao cho Tiên Hương nhận làm. Tới nay hơn 60 năm còn có mọi người biết cả.

Vào quãng năm Khải Định thứ 3, thứ 4 (1918, 1919) người quý tổng thăng thụ chánh bát phẩm, nghị viên tư vấn xứ Bắc Kỳ, chánh tổng Trần Khắc Kiệm thương lượng với chức sắc kỳ dịch xã ấy có lời với lý dịch và chánh phó tổng mới cũ của cả huyện, thỏa thuận về các điều lệ, có chữ có dấu của huyện quan phê đóng, lấy đó chiếu tuân lệ trước làm lệ gậy hoa ở đền xã ấy. Ngõ hầu cùng đội ơn thần, đẹp tốt với ý kính thờ. Trong huyện bàn bạc thống nhất ký kết trình quan Đốc bộ đường bản tỉnh Phạm tướng công thương lượng với tòa sứ chuẩn duyệt thi hành.

Sách lễ ký có câu "những việc đã được cử hành rồi, thì chớ có bỏ đi nữa" là ý như thế. Ôi việc này căn cứ vào đó có thể hiện vận trời lòng người, tuy rằng thế cuộc có điều thịnh suy, nhưng thần quyền thì vẫn rõ, dù cho muôn vạn năm sau cũng không mất hết đi được.

Nay cho khắc vào đá để truyền lại lâu dài. Cho đồ đệ tam giáp Tiến sỹ khoa Tân Sửu Đốc học Hải Phòng Nguyễn Văn Tính lạy viết.

Thánh Mẫu cố trạch linh từ bi ký :

Nhị ngũ tinh anh chung ư nhân, nam tử cố vi thiên hạ kỳ, nhi nữ trung Nghiêu Thuấn, thế thượng thân tiên, sinh vi anh, một vi linh giả, Lạc già chi Quan Thế Âm, Việt dương chi Lâm Thiên hậu. Ngã quốc Khánh Hòa chi thiên y chúa hiển ứng, gian sử thừa tái chi lịch lịch. Bản triều Thiên tiên Thánh Mẫu vị kỳ Thiên y chúa hồ, kỳ Quan Thế Âm Lâm Thiên hậu hồ? Thần đệ nhị tiên cung giáng thế dã, Hoàng Lê sơ phong Mã Vàng công chúa Hòa Diệu Đại vương, đại sùng phong chi. Quốc triều liệt tại thượng đẳng. Sự chiếp đảo, đảo chiếp ứng cổ nhân thi gia chúc miếu tự biến nam tường hỹ, kỳ linh tích Văn Cát thần nữ chuyện tường chi. Phụng kim ngã hoàng

đạo quảng hoài nhu, quý thần dĩ mạc bất ninh, dự
tiền kiến tiết Định ninh vi phong cương lại, trí lực
ư thần chức trách dã, ư bản miếu tắc hữu dĩ
thời triển yết yên.

Án cổ miếu bốc trúc ư giảng tường địa, khởi tự
Lê Cảnh Trị, kỳ chế thượng giản, Cảnh Thịnh
gian Hội nguyên Trần Công gia Du, Tả Thiếu giám
Trần công Công Bản tặng quảng chi. Hết Tự Đức
Kỷ Mão huyện doãn Lê quân Cơ tu tập chi. Kinh
kim, vũ hám phong chàng, tiền quan dĩ cải, nãi dĩ
Huyện doãn Vũ quân Huy Uẩn, huyện bác Vũ
Mậu Thượng kị thân hảo mưu cử chi, dĩ vi nhạc độ
vi thê sương lô phong vân vi truyền xã thần hà
thường y hồ, nhi hưởng tự tuần bốn tắc tại miếu
dã, nãi văn dĩ khuyến chi, hội dĩ tỉnh liệt
Vũ Phiến sứ Nghĩa Quý, Hoàng niết sứ Huy Tường,
dĩ công chư đồng hiếu giả. Tài duyệt nguyệt tức
phụng triệu hồi kinh chức, tự nhi thường tâm
thường sản thiêm mưu đồng tức cư công tài cách
cổ đỉnh tân chi. Dĩ Thành Thái thập niên lục
nguyệt kinh thủy, Thành Thái thập nhị niên bát
nguyệt lạc thành. Luân như hoán như thức quách
nhật tăng yên, khả dĩ chương cảm cách nhi biểu
sùng tự dục. Tương dĩ bưu chí trung văn dĩ thọ chi.

Dư duy phù, thiên hạ sự bất hoạn kỳ bất cử, nhi
hoạn kỳ bất kế, bất nan ư kỳ sáng, nhi nan ư kỳ
thủ. Cái thế gian vô bất hoạn chi vật, nhi năng sử
chi bất hoạn chi nhân. Thần kim phong hội phương
tân, chính thần đạo tranh hiển hối chi nhật dã.
Nhuộc sử miếu mạo thanh cao dĩ trang mỹ giang
sơn chung cổ, tắc kỳ giả tái đức, chiêm giả khởi
kính, kỳ trách tại kế chi thủ chi giả. Thi dịch sử
phí bát thiên nguyên hữu cơ, giai vạn gia sản dã.
Đốc công thừa biện tắc sở tại thân hào chức dịch
viên nhân cấp tứ giáp trùm lão dã. Tỉnh Học chính
Nguyễn Quân Như, Huyện Học chính Vũ Quân Mậu
Thường tắc quản cố chi.

Hoàng triều Thành Thái tuế tại Tân Sửu trung
thu nhật.

Hiệp biện Đại học sỹ Quốc sử quán Phó Tổng tài,
kiêm quản Quốc giám, An Xuân Nam, Cố Hoan
Cao Long Cương, Cao Xuân Dục, Tử Phát báí chí.

Dịch nghĩa :

Bìa ghi việc đền thiêng

Nơi nền nhà cũ của Thánh Mẫu :

Tình anh sông núi tạo nên ở con người, trai vẫn
là quý báu trong thiên hạ, song mà bậc Nghiêu

Thuấn trong đám con gái¹⁾, bậc thần tiên ở cõi đời khi sống anh hùng, lúc mất thiêng liêng, như Quan Thế Âm ở Lạc Già, Lâm Thiên hậu ở Việt Dương²⁾. Tại nước ta thuộc đất Khánh Hòa có chúa Thiên Y³⁾ hiển ứng, trong sử đã đã từng chép cả. Ngôi Thiên tiên Thánh Mẫu ở đền này là chúa Thiên Y hay sao, là Quan Thế Âm, Lâm Thiên hậu hay sao?

Thần ở đây là vị thứ hai trên cung tiên giáng trần, vua Lê trước đã phong cho là Mã Vàng công chúa. Hòa Diệu Đại Vương⁴⁾, đời sau tôn sùng phong tiếp cho, Quốc triều ta xếp vào hạng thượng đẳng. Mỗi khi có việc là cầu, cầu thì đều thấy cảm ứng cho nên người người nhà nhà lễ đảo, đèn thờ lan vào đến tận phương Nam. Về sự tích thiêng liêng thì trong truyện Vân Cát thần nữ đã chép rõ rệt cả rồi.

¹⁾ Nghiêu Thuấn trong đám con gái: ý nói con gái giỏi trên đời hiếm có.

²⁾ Quan Thế Âm: Tức Phật bà ở chùa Hương, Mỹ Đức Hà Tây Lâm Thiên Hậu: tương truyền bà này người Phúc Kiến Trung Quốc. Thời nhà Thanh bà đã biết dâng sớ mình oan cho cha, sau bị oan nhậy xuống nước tự trầm.

³⁾ Chúa Thiên Y: Tức Thiên Thánh Mẫu YAna trong tín ngưỡng của người Chăm.

⁴⁾ Tức chế thắng bão hòa diệu đại vương nói tắt đi. Vua Lê Cảnh trị phong cho.

Tới nay vua ta có lòng rộng rãi, quỷ thần không đâu là không yên ổn, tôi đã từng vâng mệnh trấn giữ Định Ninh¹⁾, tại chốn phong cương²⁾, hết sức với việc thần, nghi cùng là chức phận, với miếu này thì đã có lúc tới bái yết.

Xét ngôi miếu cổ ở đây dựng nên, tại trên khu đất ứng giáng điềm lành, kể từ niên hiệu Cảnh Trị thời Lê (1663 - 1671) song quy chế giản đơn. Niên hiệu Cảnh Thịnh (1773 - 1801) thời Tây Sơn, Hội nguyên Trần Gia Du, tả Thiếu giám Trần Công Bản mở rộng thêm ra. Niên hiệu Tự Đức năm Kỷ Mão (1879) huyện doãn Lê Cơ sửa sang lại. Đến nay mưa giội gió lay, cảnh vật trước đây đã thay đổi cả, tôi bèn cùng quan huyện doãn Vũ Huy Uẩn, huyện bác Vũ Mậu Thường và các vị thân hào mưu việc sửa lại đền sớ, rồi viết bài văn khuyến hóa, gặp được quan tỉnh là Phiên sư Vũ Nghĩa Quý, niết sứ Hoàng Huy Tường bàn bạc, nhưng mới được một tháng thì tôi phải phụng triệu về nhận chức³⁾ quan ở kinh kỳ, thế nhưng vẫn đem lòng đem của lo việc. Rồi tức thì chọn thợ

¹⁾ Định Ninh: Tức Nam Định, Ninh Bình.

²⁾ Phong cương: Chỉ nơi xa xôi, so với thành Huế.

³⁾ Nhận chức: Nhận việc.

khéo gỗ tốt thay cũ đổi mới, tháng 6 năm Thành Thái thứ 10 (1898) dấy việc, tháng 8 năm Thành Thái thứ 12 (1900) thì hoàn thành, quy mô to lớn tốt đẹp ngày một mở mang, có thể khuếch trương sự cảm cách biểu dương việc sùng bái vậy. Rồi cùng nhau tính việc viết văn ghi lại.

Tôi nghĩ rằng việc ở trong thiên hạ không lo việc khởi xướng mà lo việc nối tiếp, không lo việc làm nên mà lo việc giữ gìn. Ở chốn thế gian không có vật gì là không tàn tạ, nhưng có nhân vật không thể mai một được. Nghĩ nay, phong vận bước vào buổi mới, chính là lúc tín ngưỡng việc thần tranh tối tranh sáng, nếu như khiến cho đèn miếu thanh cao, điểm tô non nước lâu dài, mà cầu để hưởng phúc, xem thêm kính mến ấy phải là trách nhiệm của kẻ giữ gìn.

Về việc làm này số chi phí tới tám ngàn đồng có lẽ, hết thầy đều do của các nhà đóng góp. Việc đốc công thừa biện do thân hào¹⁾ chức dịch quan viên sở tại cùng trùm lão bốn giáp, còn các quan Học chính của tỉnh Nguyễn Như, Học chính của huyện Vũ Mậu Thường cũng giúp đỡ coi sóc²⁾.

¹⁾ Thân hào: Thân có học, Hào có chức sắc tức làm quan không hề bé.

²⁾ Học chính: Coi sóc việc giáo dục.

Ngày tiết Trung thu năm Tân Sửu (1901) triều vua Thành Thái.

Hiệp biện Đại học sỹ, Phó Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản lý Quốc Giám, tước An Xuân Nam, Cổ Hoan Cao Long Cương¹⁾ Cao Xuân Dục, tử Phát lạy viết.

BIA TỰ ĐỨC GHI VIỆC XÂY DỰNG GÁC CHUÔNG

Thiên Bản Vân Cát tiên chúa sở sinh chi cố trạch tại Mục kim từ sở ngự nga diệp Bồng hồ nhất thắng bình tiền hữu trung các tuế cứu hủ nhi vị hữu Quán Thiên Bản huyện, Hào Kiệt tổng, Lương Kiệt xã Nguyễn Đăng Vực đồng gia đẳng đại tiêu tử hữu lương hàng chi tâm tự xuất gia tư tụy hoán chi chi hóa, triệu tượng trình công, cấu tạo chung lạc, nhất ký thành huyện, tái mai bản xã điền thị cao ngũ xích, tọa lạc Cửu phố xứ lưu vi vinh hiển hương đẳng chi nhu.

Sự thoan, trung ngôn ư dư. Dư dĩ vị minh thần đồng cát, vi thiện giả hoạch báo, nhược cận dĩ dĩ yên phúc tắc vị hỹ, nhân khẩu kỳ vi nhân.

¹⁾ Cổ Hoan Cao Long Cương: Quê hương của ông Cao.

tâm địa quang minh, ngôn hành kính cẩn, tắc sự giữ tâm giai chí thành giả, túc dĩ động quỹ thần nhi vi đắc phúc chi đạo vân nhĩ.

Nhân thư di vi ký :

Tự Đức vạn vạn niên chi nhị tam Nguyệt thượng cán.

Bản hương Vân Long cư sỹ soạn

Đường diệt Nguyễn Đăng Tiến phụng tả.

Dịch nghĩa⁽¹⁾ :

Vân Cát Thiên Bản có nền nhà cũ nơi sản sinh ra Tiên chúa. Hiện tại nơi thờ ngự nga như cảnh đẹp chốn Bồng Hồ. Tại đây trước có gác chuông lâu ngày đã nát, ý muốn sửa song chưa được. Nay có người quê ở xã Lương Kiệt tổng Hào Kiệt huyện Thiên Bản tên là Nguyễn Đăng Vực và cả nhà đem của đem lòng, tìm thợ dấy việc, xây dựng gác chuông. Khi xong treo được chuông lên, lại mua 2 sào 5 thước ruộng ở xứ Cửa phố trong xã, để lại làm ruộng đèn hương lâu dài. Rồi yêu cầu tôi viết lời. Tôi nói: “Với thần tâm sự rõ ràng, với người tốt thì giúp đỡ, việc làm lành sẽ gặp điều lành báo lại còn nếu cậy có nhiều tiền

mà làm phúc thì chưa chắc đã gặp được việc lành. Hỏi đến nguồn gốc người này thì tâm địa sáng sủa, nói làm thận trọng, như thế thì trong tâm ngoài việc đều thành thực rất mực. Vậy thì ý nguyện ấy đã thấu tới thần linh mà được phúc đức thật thà là việc dĩ nhiên!”

Nay viết ra để ghi lại điều đã làm

Đầu tháng 3 niên hiệu Tự Đức năm thứ 2 (1849)

Người trong làng là Vân Song cư sỹ soạn văn bia. Cháu là Nguyễn Đăng Tiến kính viết chữ.

Mặc dù gần đây có sách viết mộ của Liễu Hạnh công chúa ở Tây Hồ, vấn đề này cần được nghiên cứu thêm. Còn Phủ Dầy, khu lăng mộ bằng đá do Nam Phương hoàng hậu và hội Xuân kinh triều đình Huế xây dựng quy mô, đẹp đẽ, được Nhà nước công nhận di tích lịch sử - văn hóa vẫn hiển nhiên trường tồn, 62 năm qua hỏi có lúc nào, dịp lễ hội nào vắng bóng thập phương về dâng hương, viếng mộ, đọc những câu đối, bài thơ trên bia, trên trụ lăng mộ?

LĂNG CÔNG CHÚA LIỄU HẠNH THÔN TIÊN HƯƠNG XÃ KIM THÁI HUYỆN VỤ BẢN

- Cửa phía Đông :

Từ ái nhất tâm nhân như mộ

Hiếu trình thiên cổ nữ anh phong

*(Từ ái một niềm người kính mến
Hiếu trinh ngàn thuở nữ anh hùng).
Sắc sắc không không tiên, thánh, phật
Hóa sinh sinh hóa, hiếu, trinh từ*

*(Lúc còn có hình hài, lúc không còn gì cả, là
Tiên, là Thánh rồi là Phật*

*Hóa về trời rồi đầu thai xuống cõi trần, ở cõi trần
lại hóa về trời, vẹn cả hiếu với cha mẹ, giữ điều
chung thủy với người chồng, nhân từ với con và
thiên hạ)¹¹⁾*

- Cửa phía Nam :

*Bất tử tinh linh sơn hà tịnh thọ
Như sinh khí phách thiên địa trường tồn
Đào chi đệ tử Hàn lâm trước tác Lê Xuân Khôi.*

¹¹⁾ Hiếu từ: Nói lần thứ nhất ở đất Vĩnh Nhuế huyện Đại An. Trinh nói lần thứ hai ở Vân Cát Thiên Bản và Sóc Sơn Nghệ An.

Tiên: Không lấy chồng hóa về trời trong sạch

Thánh: Hiển thánh niên hiệu Dương Hòa

Phật: Nói việc Mẫu bị quan nhà trời bắt và quy y phật. Tất cả các câu đối ở khu vực lăng Mẫu, đều khác tại cột đá, lan can lăng đá.

Tham tá Trần Đức Long bài đề :

(Không thể chết mất, tình anh còn mãi với non sông

Như vẫn sống; khí tiết tốt đẹp với trời đất lâu dài

*Đệ tử trong hội Đào chi là Hàn lâm trước tác
Lê Xuân Khôi và tham tá Trần Đức Long soạn viết).*

- Cửa phía Tây :

Diệu pháp huy chương chương Bắc quận

Vân phàm phổ tế tế Nam phương

*Thừa Thiên Diệu Vân điện tự chủ Tham tá
Nguyễn Tăng Mỹ*

(Phép lạ sáng ngời, ngời đất Bắc

Buồm mây che chở, chở dân Nam

*Tự chủ¹²⁾ điện Diệu Vân tại đất Thừa Thiên là
Tham tá Nguyễn Tăng Mỹ kính soạn)*

** Hóa thân tam chuyển tiên nhi thánh*

Tử dục quần sinh mẫu dã thiên

Đào chi đệ tử thông sự Vũ Bằng bài

¹²⁾ Tự chủ: Người chủ chốt giữ việc thờ cúng

(Ba lần đôi kiếp, tiên là thánh

Các con nương tựa, mẹ như trời!

*Đệ tử trong hội Đào chi, Thông sự tên là Vũ
Bàng lạy viết).*

- Cửa phía Bắc :

** Thăng tích triệu Tiên hương, nhi thánh, nhi
thần, nhi phật*

*Thanh linh chấn Việt điện, duy từ, duy hiếu,
duy trinh*

*Thanh Hóa tỉnh Từ Vân cung Đức Nhận phả
trưởng đệ tử*

Tuần phủ trí sự Nguyễn Hữu Vĩnh bái

*(Dấu đẹp chón quê Tiên, là Thánh, là Thần,
là Phật*

Tiếng thiêng vang cõi Việt, vì từ, vì hiếu, vì trinh!

*Tỉnh Thanh Hóa, đệ tử lớn hội đức Nhuận, cung
Từ Vân là Tuần phủ về hưu Nguyễn Hữu Vĩnh
lạy viết).*

** Thiên Bản địa linh lưu thánh tích*

Nguyệt Du thủy hoạt tổ tiên nguyên

Đào chi đệ tử Hàn Lâm Thị đọc Hồ Hữu Du.

Chính tự Nguyễn Mộng Thạch bái đề

*(Thiên Bản đất thiêng, còn mãi dấu xưa nơi
thánh ở*

*Nguyệt Du nước chảy, noi theo dòng dõi vị
tiên vương*

*Đệ tử hội Đào chi, Hàn lâm Thị đọc Hồ Hữu Du
có tên tự chính là Nguyễn Mộng Thạch lạy viết).*

** Sinh hóa phong tự sơn nhược họa*

Hiếu trinh tâm sự thạch do mình

Đào chi đệ tử Hồ Trọng Lãm bái đề

(Dáng dấp hóa sinh, như vẽ trên non màu sắc đẹp

Nổi lòng trinh hiếu, còn ghi mặt đá chữ nêu xanh

Đệ tử trong hội Đào chi Hồ Trọng Lãm bái đề).

** Trắc dĩ nan đàn sơn thốn thảo*

Ảm hà bội giác thủy chi nguyên

(Uống giọt nước sông, càng nghĩ có nguồn chảy đến

Trèo lên núi Dĩ⁽¹⁾ khó đèo tác cỏ xanh tươi!)

⁽¹⁾ Núi Dĩ: chỉ mẹ, núi Hổ: chỉ bố.

Bia đá trong nhà bia ở phía đông lăng :

(Đá xanh 1,50m x 0,82m, chữ nhật)

Bia ghi việc tôn tạo lăng Thánh Mẫu

(Lời văn do Thánh Mẫu giáng bút cho khắc)

Vạn vật đô tông tạo hóa công

Bạch đầu thương nhĩ phúc du đồng

Thông minh tự ngã hoàng thiên phú

Vô đoan liễu lục dữ đào hồng

(Muôn vật từ xưa tạo hóa xây

Trẻ già đều hưởng phúc vui vậy⁽¹⁾

Trời cho thông sáng lòng ta được

Liễu biếc đào hồng cảnh đẹp thay⁽²⁾

Khen người mài sắt có công

Nèn kim chẳng quản những công dùi mài

Có duyên mà cũng có tài

Năm trăm năm lẻ lâu dài là đây

⁽¹⁾ Toàn câu nói ý lúc Mẫu còn giúp dân nghèo tiền của, xây dựng chùa cảnh cầu cống như ở Vi Nhuế...

⁽²⁾ Toàn bài văn bia gồm có 4 câu chữ Hán và 23 câu lục bát, 4 câu trong ngoặc là người dịch dịch nghĩa từ 4 câu chữ Hán trên ra.

Đôi on trời đất cao dày

Lập đền sửa mộ xưa nay mấy người?

Phen này mẹ cũng lòng vui

Vui non vui nước vui trời bao la

Đường về Nam Định không xa

Tiên Hương Vụ Bản quê nhà mẹ đây

Đời xưa cho đến đời nay

Lê triều kim thượng gần rày sáu trăm

Đó ai tính được mấy lăm

Sáu ngàn lẻ tuần trăng vẫn tròn

Xuân kinh phổ hóa đàn con

Đàn con phổ hóa là con hữu tình

Hữu tình mẹ cũng thương tình

Đắp xây lăng mộ chứng minh có trời

Tiên Hương linh tích muôn đời

Trường xuân phúc quả thánh thời lâu dài

Có duyên, ờ cũng có tài

Thực là tình mẹ lâu dài nghĩa con

Khá khen một tấm lòng son

*Bảo Đại Mậu Dân niên tam nguyệt cát nhật
Xuân kinh phổ hóa Đào chi đệ tử nam nữ đồng
phụng lập*

(Ngày tốt tháng 3 năm Mậu Dần (1938) niên hiệu Bảo Đại

Tại kinh thành Phú Xuân, được ơn dạy dỗ, các trai gái đệ tử hội Đào chi cùng kính thờ dựng nên).

Các di tích lớn, đậm đà màu sắc tín ngưỡng Đạo Mẫu là nơi đặc biệt liên quan đến lúc sinh thành, nơi Mẫu đã chung sống gửi gắm tình cảm với gia đình chồng con, cũng như có phần mộ là Phủ Dây, được nhân dân địa phương cũng như đồng bào khắp mọi nơi quan tâm lui tới. Những người thủ nhang phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát vừa giữ trọn phận sự, vừa khéo năng động tiếp nhận tấm lòng hảo tâm của thập phương, chấp hành tốt chủ trương, sự lãnh đạo của các ngành, các cấp, không ngừng tôn tạo cho di tích trở thành khu danh thắng, thường xuyên phát huy, giữ gìn di sản, tinh hoa mà tiền nhân để lại.

Nhưng Phủ Dây còn có cả một quần thể di tích như đình, đền chùa, phủ, từ đường dòng họ liên quan đến bối cảnh thờ Mẫu cũng rất có ý nghĩa xin giới thiệu dưới đây:

- **Đền Thượng** : Trên núi Thái, còn gọi An Thái Sơn thờ mẫu Thượng Ngàn một trong ba vị Thánh Mẫu, có sự liên quan mật thiết tới Mẫu Liễu, là biểu tượng của núi rừng, cỏ cây để tạo thành giang sơn, một môi trường sống nhân loại không thể thiếu. Đền Thượng đẹp ở cảnh quan thiên nhiên. Đứng trên đỉnh cao này, có thể bao quát toàn vùng với núi đồi, đền đài thấp thoáng dưới lùm cây. Công trình Đền Thượng tuy không lớn, nhưng hài hòa với cảnh trí thiên nhiên, lại là ngôi đền có khá sớm, nhưng dấu cũ đã bị bụi thời gian che phủ, chỉ nghe lại người già đọc câu đối cổ do tiến sỹ đốc học Thanh Hóa Lê Hi Viễn dâng:

"Thái Tông Thiệu Bình nguyên niên, Phạm Gia Khải thánh,

Thế Tông Quang Hưng sơ thế Thái Lĩnh lập từ"

(Đời Thái Tông niên hiệu Thiệu Bình năm đầu, họ Phạm sinh ra bậc thánh (1434)

Đời vua Thế Tông niên hiệu Quang Hưng năm đầu, dựng đền thờ ở núi Yên Thái (1578)

(Mùa Xuân - Tự Đức Đinh Tỵ (1857)

- **Đền Giếng** : ở ngay trên trục đường ra lăng mộ khá xinh xắn, là nơi thờ Cô Chín một trong hệ

thống Thần bản địa, tạo sự lô-gic nguyên lý Mẹ bản địa. Xưa Chu thần Cao Bá Quát dâng câu đối vào năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) giới thiệu về lai lịch Thánh Mẫu, e sau này con cháu lãng quên:

“Trần Xá, Phạm Gia Thiên khai thánh,

Vân Hương, Lê thị địa sinh thân”

(Nhà họ Phạm ở Trần Xá trời sinh bậc Thánh

Nhà họ Lê ở Vân Hương sinh xuất Thần nhân)

- **Đền phủ La Xuyên, Ninh Xá** : Cách Phủ Dầy không xa, hai bên quốc lộ số 10 đều có đền thờ uy nghi thuộc hai thôn La Xuyên, Ninh Xá xã Yên Ninh huyện Ý Yên. Hai ngôi đền này thờ ông Tổ nghề mộc có công tạo dựng nghề nghiệp cho quê hương, lại sùng bái Thánh Mẫu, trông sự âm phù mọi sự như ý. Ngoài tượng Mẫu và các đồ tế tự do chính tay thợ làng sản xuất, sơn thiếp đẹp đẽ, lộng lẫy. Đền, phủ thờ còn có câu đối rất trữ tình đối với quê hương:

- Tiên tích thiên thu truyền Việt Điện,

Linh từ nhất thốc trĩ Ninh Giang

(Dấu tích người còn mãi nơi cõi Việt,

Đền thiêng có một tôn tại ở Ninh Giang)

- **Đền thôn Trịnh Xá** : Nằm ở phía Tây núi Yên Thái, xưa kia thuộc Vũ Xá tổng, huyện Phong Doanh có tới ba ngôi chùa thờ Phật và “Vương Mẫu linh từ” (Đền thiêng Vương Mẫu). Ngôi đền thờ Vương Mẫu, liên quan đến huyền thoại cảnh tiên và Liễu Hạnh công chúa.

Đền cũ hỏng nhưng câu đối nói về Thánh Mẫu vẫn được bảo tồn:

“Linh Quang trường gương Côi Sơn nguyệt,

Vọng thánh Giao nghinh Cát Phố vân”

(Ngắm nhìn ánh sáng thiêng liêng, như ánh trăng núi Gôi còn mãi,

Tưởng tượng vị thánh oai nghiêm, như mây Phố Cát hiện về)

- **Phủ Đồi** : Xưa khá nổi tiếng ở Sơn Nam Hạ, bên cạnh phủ là chùa, khách hành hương về rất đông “Bụt chùa Gôi, xôi chùa Đồi” câu ngạn ngữ đánh giá tầm cỡ chùa xưa. Do chiến tranh hủy diệt, phủ mới được bà con tu sửa và sưu tầm các đồ thờ tự, lại tìm thấy cả ba đạo sắc phong của Thánh Mẫu. Đặc biệt có câu đối của Đinh - Nhật - Thận, tên tự là Từ Quý, tên hiệu là Bạch Mao Am, quê Thanh Chương, Nghệ An. Đỗ tiến sĩ năm Minh Mệnh 19 (1838) cung tiến:

*“Công đức đối An thôn thị chi như Mẫu,
Thanh linh tiêu Việt địa tự giả vi thân”
(Công đức với làng An, coi như người mẹ,
Thiên thiêng cùng đất Việt, tôn kính như thân).*

- **Đền thôn Thắng Hạ** : Xã Nghĩa Châu huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định thờ Mã vàng công chúa, thần tích ghi: Vào đời Mạc, xã An Thái huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam có ông Lê Đức Chính, làm ăn lương thiện mà đường con cái muộn màng. Ông bà họ Lê càng ra tay làm phúc mong sao toại nguyện. Năm Thái bà hơn 50 tuổi mới mang thai và mộng thấy tiên nữ xin giáng làm con. Ngày 16 tháng 8 năm Bính Thìn (1556)⁽¹⁾ Thái bà sinh một nữ nhi diện mạo khác thường, trong phòng lại sực nức mùi hương. Ông bà họ Lê vui mừng đặt tên con là Lê Thị Thắng.

Lớn lên, Thị Thắng tỏ rõ sự thông minh, lịch lãm. Học một biết hai, lại giỏi thơ ca, đàn hát.

Cũng ở làng An Thái, có ông quan họ Trần sáng ra dạo chơi vườn hoa, bỗng thấy hài nhi dưới gốc đào, bèn bế về nuôi dưỡng và đặt tên là

⁽¹⁾ Có lẽ lầm với năm Đinh Tị (1557)

Trần Đào Lang. Đào Lang thông minh, ham học nên cha mẹ rất vui. Sau Đào Lang kết duyên cùng Lê Thị Thắng. Vợ chồng Trần Đào Lang sống hòa hợp, hạnh phúc. Nhưng chỉ được ba năm, Lê Thị Thắng qua đời vào ngày 3 tháng 3 năm Đinh Sửu (1577), để lại một con nhỏ và nổi xót thương vô hạn cho họ tộc, gia đình. Sau khi nàng Thắng mất, có nhiều sự hiển hiện anh linh, nhân dân lập miếu thờ tại gò Cát (gò trồng sắn dây). Từ đó, các ngày sóc vọng thường có mây lành xuất hiện trên không, nên nhân dân tôn là Ván Cát thần nữ. Hồi đó, viên tướng nhà mạc qua đây, vào đền cầu nguyện ứng nghiệm, xin với vua nhà Mạc phong “Mã vàng công chúa”. Các triều vua Lê tiếp nối phong “Chế thắng Hòa diệu đại vương”. Sau nhà Nguyễn phong “Mẫu nghi thiên hạ” thượng đẳng phúc thần.

Câu đối tại đền ghi :

*“Anh dục tú chung, thế xuất nữ trung Nghiêu
Thuấn,*

*Hiển ứng linh thiêng, tiếng thơm thiên hạ
thánh thần”.*

(Khí thiêng hun đúc, đời nẩy gái tài như vua
Nghieu vua Thuấn,

Linh thiêng rõ rệt, nổi danh bậc thánh, bậc thần
trong thiên hạ)

Một câu đối khác ghi :

“Bất tử thị tiên, yếu diệu phương phi thiên
hạ bất,

Vô sinh viết mẫu, anh linh hiển ứng thế gian vô”

Tạm dịch :

Vị tiên thuộc hàng bất tử, đẹp đẽ trong thiên hạ
hiếm có,

Không sinh mà là Mẹ, anh linh rõ rệt không có ở
thế gian.

- **Đền thôn Thắng Hạ** : Xã nghĩa Châu còn có
bài văn khấn Liễu Hạnh công chúa, thường đọc
trong các ngày đại lễ:

Danh đăng quận quốc,

Vị liệt quân tiên.

Kim khuyết nguy nguy thừa ngọc chỉ,

Loan dư lẫm lẫm giáng Nam thiên.

Đức bản vô song, giá vũ đằng vân năng biến hóa,
Linh vô nhi thượng, nhập thần xuất thánh triệt
diệu huyền,

Bảo quốc hộ dân, bách tính mộ như càn đức,

Trừ tai hãn họa, quần phương ngưỡng tự khôn
nguyên...

Tạm dịch :

Tiếng tăm lừng đất nước

Ngôi vị sánh quân tiên.

Nơi cửa trùng vâng lệnh thánh hoàng,

Cỡi xe loan oai nghiêm xuống trời Nam

Đức vốn không hai, cõi gió đập mây hay biến hóa,

Linh thiêng có một, vào thân ra thánh không
lường.

Giúp nước giúp dân, trăm họ quý như cha đẽ,

Trừ tai giảm họa, khắp nơi trông ngóng tựa
đất, trời.

- **Chùa Duyên Phúc** : Thôn Nam Hà xã Tân
Thịnh huyện Nam Trực là công trình lớn, bên
cạnh chùa có ngôi phủ mẫu gồm hai tòa, làm theo

kiểu chữ Đinh, trước ban thờ Mẫu còn nhiều câu đối sơn son thiếp vàng rất trịnh trọng, đẹp đẽ:

“Đức tán mộng thánh công kim thượng Duy Tân tích Lê Vĩnh Hựu,

Từ nhân ca Mẫu đức nam thiên Sùng Lĩnh bắc địa Tiên Hương”

(Có công giúp nhà vua nay là thời Duy Tân, xưa thuộc đời Vĩnh Hựu (1735 - 1740)

Mọi người ca ngợi công đức của Mẫu, phía Nam có đền Sùng phía Bắc có Tiên Hương)

- Một câu đối khác làm năm Duy Tân Nhâm Tý:

“Kim khuyết giáng trần lục địa tề sinh chúng Mẫu,

Ngọc nhan hiển thánh bổ thiên nhi hậu nhất nhân”.

(Từ cửa khuyết xuống trần gian trở thành mọi người Mẹ,

Người đẹp hiển thánh giúp thế gian có một không hai)

- Trong đền còn có câu đối sơn son thiếp vàng đẹp đẽ, do chức sắc trong làng tiến dâng niên hiệu Thành Thái Quý Mão với nội dung:

“Đức đại khôn sinh hà dĩ Nam xưng chúng nhân mẫu,

Mạnh thừa Sư tích, Lê nhi hậu vi thiên hạ vương”.

(Đức lớn từ đất sinh ra ở phía Nam sông Hồng là các mẹ,

Vâng lệnh Thánh Sư, từ thời Lê về sau được phong vương trong thiên hạ).

- Chùa Phúc Hải và Phủ Mẫu : Tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định là khu di tích lớn, có nhiều văn bia cổ rất có giá trị. Tượng pháp, đồ thờ có sự gia công nghệ thuật công phu.

Đôi câu đối sơn son thiếp vàng lộng lẫy ở phủ dưới đây ca ngợi Thánh Mẫu :

“Từ tâm phổ thí kiêm Tiên Phật,

Hiển tích linh thông xuất Thánh Thân”

(Lòng từ bao trùm rộng lớn, là Tiên lại là Phật,

Dấu vết thiêng liêng, hơn bậc Thánh, Thân)

Phải chăng dân vùng biển Nam Định, trong cuộc sống gặp nhiều sóng gió, họ chỉ biết trông cậy vào sự âm phù của Mẫu để yên tâm sản xuất, hay uy danh, đức độ của Mẫu đã thấm nhuần đến tận góc biển xa xôi.

- **Đền Phủ Bạch Xám** : ở xa Phủ Dầy hơn, một ngôi phủ nhỏ bé, ở một làng quê bên sông giữa Hà Nam và Hà Tây, ấy thế mà sự ngưỡng vọng Thánh Mẫu, sự tôn thờ giữ gìn bảo vật tế tự rất đáng nêu gương. Đặc biệt là các thư tịch cổ trong đó có các đạo sắc phong cấp cho di tích.

Xã Bạch Xám, nay là Bạch Thượng, huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Trong số 6 đạo sắc của triều đình nhà Nguyễn phong cho Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Đáng chú ý hơn là hai đạo có niên hiệu Thiệu trị lục niên (1846) với nội dung sau :

- *Sắc cấp cho thôn Giáp Ngũ, xã Bạch Xám, huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam phụng sự :*

+ *Đế Thích Thiên đình Liễu Hạnh công chúa thượng đẳng thân*

+ *Đệ nhị ngọc nữ Quỳnh cung phu nhân Quế Hoa công chúa trung đẳng thân.*

+ *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung phu nhân Thụy Hoa công chúa Trung đẳng thân. Hộ quốc tí dân năm trứ linh ứng...*

Việc phong tặng sắc phong của các triều tuy có khác nhau, hoặc phong chung cả ba vị như trên

đề cấp, hoặc phong riêng từng vị, nhưng nhìn chung đều thừa nhận lai lịch và dùng mi tự tốt đẹp để ban cấp. Song giữ trọn vẹn sắc của cả ba vị thuộc tam tòa Thánh Mẫu không phải nơi nào cũng làm được.

- Nhân tiện cũng xin dẫn một đạo sắc nguyên bản ở địa bàn khác :

“Sắc Nghĩa Hưng phủ, Đại An huyện, Vi Nhuế xã tông tiên phụng sự Thiên tiên đệ nhất Thánh Mẫu Liễu Hạnh công chúa, Phạm gia hiếu nữ Đoàn Thị thái sinh. Ngạn hương tổ ấp thiên thu vị cải kỳ từ, Nhuế địa thiên cư lịch đại do tôn trạch miếu. Đối dân từ đức nhất phương dĩ hiển ư tâm bi, dữ quốc lực phù vạn thế nhưng lưu vu trúc giản.

Tứ kim phi thừa cảnh mạnh, diển niệm thân hưu, trứ phong vi đại từ đại bi, tâm thanh cứu khổ, Thiên tiên đệ nhất Thánh Mẫu, sắc phong chế Thảng bảo hòa diệu đại vương thượng đẳng thân, chuẩn xã nội như tiên phụng sự. Thứ cơ thân kỳ tướng hưu bảo ngã lê dân. Khâm tai !

Minh Mệnh nhị niên thập nguyệt sơ lục nhật.

Dịch nghĩa :

Sắc cho xã Vi Nhuế huyện Đại An phủ Nghĩa Hưng, từ trước đã phụng thờ vị Thiên tiên đệ

nhất Thánh Mẫu Liễu Hạnh công chúa, là con gái có hiếu của nhà họ Phạm, đầu thai vào cửa họ Đoàn⁽¹⁾ Làng La Ngạn là quê tổ ngàn thu hãy còn đền thờ. Đất Nhuế dựng nhà để ở bao đời vẫn còn nguyên trạch miếu.

Với dân có đức như người mẹ, một vùng bia miệng còn nêu, với nước hết sức phò giúp muôn thuở công ghi sách vở.

Nay trăm vâng mệnh lớn, tưởng nhớ đến ơn của thân, vậy phong cho : Đại từ đại bi, tâm thanh cứu khổ, Thiên tiên đệ nhất Thánh Mẫu, sắc phong Liễu Hạnh công chúa, Chế thắng bảo hòa diệu đại vương thượng đẳng thân. Cho phép trong xã theo lệ cũ mà kính thờ, trông chờ thân sẽ giúp đỡ, che chở cho dân ta.

Kính vậy thay

Ngày 6 tháng 10 niên hiệu Minh Mệnh năm thứ 2 (1821)

Nội dung sắc phong trên đây coi Liễu Hạnh như người thật, lại rất đức độ tài ba. Người xưa dùng

⁽¹⁾ Mẫu Liễu Hạnh giáng sinh lần 1 vào năm 1434 làm con gia đình họ Phạm, mẹ họ Đoàn.

các mi tự ban phong, sao còn có dị bản, dị ngôn nói sai lệch ?

Trở lại với các huyền tích dị bản nói việc Mẫu “tác oai tác quái” sát hại sinh linh, kẻ nào trêu chọc làm cho chết, hoặc ốm ở khu vực Tam Điệp, Thanh Hóa. Nhưng sao nhiều câu đối, thơ ca của người xưa lại tán dương công đức của Mẫu ngay trên địa bàn này. Vậy người đời “nịnh” Mẫu hay giai cấp thống trị thấy Mẫu là thần tượng tự do, đòi nam nữ bình đẳng thì đặt điều xằng bậy ? Nói vậy thôi chứ đã là huyền tích thì còn phải dày công mới có được sự thật. Và hãy đến đền Dâu.

- Đền Dâu : còn gọi là Tang Dã linh từ

Tại thị xã Tam Điệp tỉnh Ninh Bình, thờ Liễu Hạnh công chúa. Tại đây Vũ Phạm Khải tên tự là Đông Dương, tên hiệu là Phượng Trì, người huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đỗ cử nhân năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), làm quan Bố chính trị tỉnh Thái Nguyên. Ông đã góp tiền của để tu sửa đền và tiến cúng câu đối :

“Cứu bản bệnh, khuyến nông tang, áp tôn xưng Mẫu,

Trừ họa tai, hưng thuận mỹ, quốc chuẩn phong thân”